

VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

PGS. TS. TRƯƠNG QUỐC BÌNH*

Những năm qua, nhìn chung hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang thu được những kết quả rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn không ít tồn tại cần sớm được khắc phục. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng các hoạt động nghiên cứu khoa học từ khi thành lập Bộ (2007) và xác định những định hướng cho công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong những năm tới là hết sức cần thiết.

Để tham gia vào công việc lớn này, tôi xin phép có một số những ý kiến nhỏ sau đây:

1- Đánh giá chung về hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong 5 năm qua

1.1- Nhìn chung, công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong những năm qua đã thu được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ: cho đến nay, các đơn vị thuộc Bộ đã tiếp tục thực hiện 03 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp nhà nước và đăng ký đưa vào thực hiện mới 01 đề tài độc lập cấp Nhà nước. Bên cạnh đó, tính đến cuối năm 2011, có 97 đề tài và nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ (Văn hóa: 59, Thể thao: 15, Du lịch: 21) tiếp tục được đưa vào thực hiện, trong đó có 9 trong tổng số 42 đề tài đã nghiệm thu được xếp loại xuất sắc. Ngoài ra, hàng năm còn khoảng 60 đề tài cấp cơ sở được các đơn vị tổ

chức thực hiện.

Về cơ bản, những đề tài này đã tập trung nghiên cứu, luận giải những vấn đề cơ bản nhất về lý luận hoặc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ đáp ứng những vấn đề thực tiễn của ngành, của đơn vị. Trong đó, đáng lưu ý là những đề tài thuộc những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa, về xây dựng nhân cách, lối sống của con người Việt Nam như: “Xây dựng nhân cách văn hóa cho con người Việt Nam, những bài học kinh nghiệm trong lịch sử”, “Nghiên cứu một số luận điểm quan trọng trong Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khóa VIII) trong bối cảnh hội nhập”, “Văn hóa gia đình trong thời đại mới”, “Văn hóa ứng xử con người Việt Nam”, “Nghiên cứu hoàn thiện chính sách văn hóa đối ngoại của Việt Nam”, “Hệ thống lý luận cơ bản của kịch hát truyền thống Việt Nam”, “Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ số y - sinh học trong những dạng hoạt động thể lực khác nhau”. Các đề tài của ngành Du lịch về xác lập cơ sở khoa học và giải pháp hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đảm bảo điều kiện thuận lợi cho du lịch Việt Nam tiếp tục phát triển và phù hợp với xu thế hội nhập khu vực, quốc tế trong bối cảnh mới của Tổng cục Du lịch đã góp phần không nhỏ vào các hoạt động của ngành Du lịch Việt Nam.

Trong lĩnh vực di sản văn hóa: các công trình nghiên cứu khoa học tập trung nghiên cứu việc bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc trong quá trình

* Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, như “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo”, “Sổ tay tiền cổ kim loại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp lưu hành ở Việt Nam từ đầu Công nguyên đến năm 1975”, “Nghiên cứu phục hồi quy trình sản xuất giấy truyền thống”... Một số đề tài đi sâu về giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam đang có nguy cơ mai một về văn hóa, thí dụ: “Nghiên cứu phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc có số dân dưới 5 ngàn người khu vực miền núi phía Bắc”, “Nghiên cứu, nhận diện văn hóa dân tộc Chứt ở Quảng Bình”... Đây thật sự là những nghiên cứu rất có ý nghĩa.

Các Bảo tàng trung ương gần công tác nghiên cứu về lý luận với việc tư liệu hóa khoa học các bộ sưu tập hiện vật phục vụ trong công tác trưng bày như: “Nghiên cứu tư liệu hóa sưu tập tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa công bố tại Bảo tàng Hồ Chí Minh”, “Tư liệu hóa tập hiện vật về cách mạng tháng Tám năm 1945 hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam”, hay “Nghiên cứu trang phục truyền thống các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo ở Việt Nam, phục vụ trưng bày ở Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam”; “Nghiên cứu văn hóa dân tộc Giẻ Triêng, Bâu phục vụ hoạt động Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam”... Hướng nghiên cứu này gắn kết quả nghiên cứu vào hoạt động thực tiễn của đơn vị và trực tiếp giúp cán bộ làm nghiệp vụ chuyên môn tại các bảo tàng làm quen với công tác nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, những kết quả này không chỉ góp phần vào việc làm sáng rõ những vấn đề về lý luận chung mà còn đem lại những đóng góp quan trọng với việc đổi mới công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Những kết quả này còn góp phần không nhỏ vào việc tạo lập thói quen và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học cho các cán bộ trẻ, đồng thời góp phần xây dựng bổ sung giáo trình cùng tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo chuyên ngành.

1.2- Bên cạnh những kết quả như đã nói trên, cần thẳng thắn thừa nhận một thực tế là, cho đến nay, hoạt động nghiên cứu khoa học và việc quản lý những hoạt động này cũng còn

không ít tồn tại và bất cập

Những nhận xét và nguyên nhân của những bất cập này được xác định trong báo cáo của lãnh đạo Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường là:

- Việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học tại một số đơn vị còn chậm trễ, thậm chí còn là biểu hiện thiếu nghiêm túc, đây là một thực tế đáng buồn vẫn đang tồn tại trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Biểu hiện rõ rệt nhất là còn nhiều đề tài được đưa vào thực hiện từ rất lâu nhưng đến nay vẫn chưa nghiệm thu được. Đáng quan ngại hơn, những đề tài quá hạn này lại có cả ở những viện nghiên cứu đầu ngành, những trường đại học có uy tín trong Bộ;

- Tính ứng dụng trong thực tiễn của nhiều đề tài còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu đa phần mới chỉ dừng lại ở việc làm tài liệu tham khảo, in sách, giáo trình giảng dạy... hoặc có chăng mới chỉ ứng dụng trong phạm vi nhỏ hẹp của đơn vị chủ trì. Việc sử dụng kết quả nghiên cứu trong việc xây dựng những chính sách, chiến lược phát triển mang tính vĩ mô còn rất khiêm tốn. Chưa có đề tài nào chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp sử dụng có giá trị về kinh tế. Các công trình nghiên cứu có giá trị thực tiễn, có thể lập dự án sản xuất thử nghiệm với sự hỗ trợ kinh phí của Nhà nước, nhưng chưa có đơn vị nào mạnh dạn thực hiện.

- Việc phổ biến kết quả nghiên cứu của các công trình còn rất hạn chế. Thực tế trong những năm qua, việc tiếp cận, khai thác kết quả những công trình nghiên cứu đã được nghiệm thu của Bộ là rất khó khăn, việc tổng hợp, lưu trữ trong điều kiện hiện nay không thể tránh được hư hại, thất thoát theo thời gian, trang thiết bị để phục vụ công tác phổ biến qua mạng Internet, trên tạp chí hầu như không có, các công trình nghiên cứu khi hoàn thành có rất ít chủ nhiệm và đơn vị chủ trì nộp bản mềm theo quy định để thuận lợi trong lưu trữ.

- Nguồn vốn nghiên cứu khoa học hàng năm chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học của Bộ. Các đơn vị chủ trì nghiên cứu khoa học chưa chủ động sử dụng các nguồn vốn khác, như: nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp sau khi trừ chi phí được để lại theo chế độ được phép trích



Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Nhà nước về “Di sản văn hóa Phật giáo...” (Cục Di sản văn hóa chủ trì) - Ảnh: Trần Lâm

10% cho công tác nghiên cứu khoa học của đơn vị theo quy định của Nhà nước hay các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân khác. Nguyên nhân của những hạn chế này là:

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác nghiên cứu khoa học chưa đúng, dẫn đến một số lãnh đạo đơn vị nghiên cứu khoa học chưa thật sự coi trọng, thậm chí có biểu hiện coi nhẹ nhiệm vụ này hơn các nhiệm vụ khác của đơn vị.

- Việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm về công tác nghiên cứu khoa học tại các đơn vị, đặc biệt là các tổ chức khoa học công nghệ còn yếu, tâm lý được bao cấp còn tồn tại nặng nề trong các đơn vị. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các đơn vị thụ động trong việc xây dựng kế hoạch, đề xuất và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

- Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong nghiên cứu khoa học chưa kịp thời. Đồng thời, xử lý những vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ tại các cấp còn thiếu kiên quyết, chưa quy rõ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân khi không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu, đề tài quá hạn cũng

không có hình thức kỷ luật nào. Tại một số đơn vị, bản thân chủ nhiệm đề tài quá hạn cũng lại là thủ trưởng đơn vị... Đây thực sự là vấn đề cần quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

- Cơ chế quản lý, chế độ thù lao trong nghiên cứu khoa học cũng như thủ tục thanh quyết toán kinh phí... còn nhiều bất cập, chưa thực sự khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học.

1.3- Ngoài những tồn tại cơ bản nói trên, còn một số vấn đề cần lưu ý sau đây:

- Có sự trùng lặp về nội dung thực hiện giữa các nhiệm vụ khác nhau, nhất là đề tài nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ về môi trường mà điển hình là nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu hoặc bảo vệ môi trường.

- Có những nội dung nghiên cứu ít có sự cách biệt giữa việc thực hiện đề tài của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các Bộ, ngành khác, trong khi một số đề tài mang tính ứng dụng, đặc biệt là những đề tài sản xuất thử nghiệm chưa được quan tâm thực hiện.

- Kết quả nghiên cứu chưa được phổ biến để vận dụng cho các đơn vị cần thiết phải sử dụng ngay trong nội bộ ngành.

- Một số đơn vị không tuân thủ những quy định về thủ tục nghiệm thu, đánh giá đề tài có thể do chưa có kinh nghiệm? (viết cam kết như luận án tiến sĩ, ra thông báo tổ chức nghiệm thu, chứ không phải quyết định!)

- Một số hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở còn hoạt động chiếu lệ, chưa chỉ ra những khiếm khuyết cần bổ sung, chỉnh sửa báo cáo tổng hợp của đề tài.

- Việc xét chọn đề tài vẫn có tình trạng dàn trải, nể nang. Do đó, có một số đề tài vẫn có tính chất là các hoạt động nghiệp vụ thuần túy hoặc kết quả thực hiện sẽ đồng thời được thanh toán bởi cả nguồn kinh phí nghiên cứu lẫn hoạt động sự nghiệp.

2- Một số kiến nghị nhằm đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian tới

2.1- Cần thay đổi nhận thức về vai trò của khoa học công nghệ trong các hoạt động chung về Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Không nên quan niệm giản đơn rằng, hoạt động khoa học công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ là quản lý, theo dõi, phân bổ kinh phí, tổ chức nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học (mặc dù công việc này cũng không đơn giản) mà cần coi trọng công tác nghiên cứu khoa học để tạo dựng cơ sở cho việc đề xuất với Chính phủ những chính sách, những quyết định có tính chiến lược. Đồng thời thực thi những chương trình kế hoạch công tác, những dự án lớn về văn hóa, thể thao và du lịch.

Trước mắt, đề nghị tiếp tục đẩy mạnh hình thức “đặt hàng” cho các hoạt động khoa học công nghệ nhằm giúp Bộ tạo lập cơ sở khoa học cho công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

2.2- Xây dựng ngân hàng dữ liệu về các công trình và đề tài nghiên cứu khoa học đã được thực hiện:

Để làm tốt vai trò là đầu mối và là cơ quan tham mưu cho Bộ về việc quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cần nhanh chóng xây dựng danh mục tất cả các công trình nghiên cứu khoa học, các đề tài đã được các đơn vị trong và ngoài Bộ thực hiện trong những năm trước đây với sự ủng hộ giúp đỡ và hướng dẫn của các cơ quan chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trước mắt phối hợp với Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Viện Bảo tồn di tích, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, Viện Khoa học Thể dục Thể thao và các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ thực hiện việc thống kê mang tính kiểm kê khoa học, lên danh sách toàn bộ những đề tài đã được thực hiện từ trước đến nay. Đồng thời, có kế hoạch để phối hợp với các Bộ, ban, ngành cùng các địa phương lập danh mục toàn bộ các công trình nghiên cứu đã có trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Kết quả thống kê có thể đưa vào trang web của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để phục vụ cho công tác đăng ký, tuyển chọn và quản lý các công trình nghiên cứu khoa học.

2.3- Kiên quyết chấm dứt hợp đồng và thu hồi vốn đã cấp cho những đề tài chậm tiến độ quá nhiều thời gian. Bổ sung trách nhiệm hoàn trả kinh phí lũy tiến với những chủ nhiệm đề tài chậm nộp sản phẩm vào hợp đồng kinh tế. Xem xét lại việc xác định tiêu chí chọn lựa chủ nhiệm đề tài, không nhất thiết là thủ trưởng đơn vị, nhưng cần xác định cơ chế ràng buộc cụ thể giữa chủ nhiệm đề tài và đơn vị thực hiện cùng cơ quan giao nhiệm vụ.

2.4- Cần xác định trách nhiệm phổ biến và ứng dụng kết quả nghiên cứu cho đơn vị thực hiện đề tài.

2.5- Nên chăng giao Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường những trách nhiệm và điều kiện để xuất bản những công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu và xếp loại kết quả xuất sắc?

2.6- Kiến nghị xây dựng “Quỹ Khoa học công nghệ về văn hóa, thể thao và du lịch” để tặng thưởng cho các công trình khoa học xuất sắc và động viên các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các giảng viên tại các trường đại học và cơ sở đào tạo về văn hóa, thể thao và du lịch thuộc Bộ.

Trên đây là một số ý kiến bước đầu của chúng tôi về thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học trong những năm qua và một số kiến nghị nhằm đổi mới về hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong những năm tới./.